

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 886/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2526/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1156/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2135/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Chính N, sinh năm 1969 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ B chung cư C đường M, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Thái Bá K, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Căn hộ B chung cư C đường M, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Bùi Thị C Nguyên thì:

Bà Bùi Thị C N và ông Thái Bá K chung sống từ năm 1990, tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 18/1990 ngày 10/3/1990.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thấu hiểu lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ông Thái Bá K có hành vi đánh và gây áp lực tinh thần với bà N. Gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Do tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Thái Bá K.

Về con chung: Bà Bùi Thị Chính N và ông Thái Bá K có 02 con chung là Thái Hải P (nam), sinh ngày 30/10/1991 và Thái Tùng L (nam), sinh ngày 28/12/1995. Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Thái Bá K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập nhưng ông Thái Bá K không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Chính N có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn ông Thái Bá K vắng mặt tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn ông Thái Bá K đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị Chính N về việc yêu cầu ly hôn với ông Thái Bá K.

Về con chung: Bà Bùi Thị Chính N và ông Thái Bá K có 02 con chung là Thái Hải P (nam), sinh ngày 30/10/1991 và Thái Tùng L (nam), sinh ngày 28/12/1995. Các con chung đều đã trưởng thành.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Bùi Thị Chính N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thái Bá K cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà N phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Chính N có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

Bị đơn ông Thái Bá K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều

227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Thái Bá K.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Thị Chính N và ông Thái Bá K kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 18/1990 ngày 10/3/1990 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thái Bá K nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Bùi Thị Chính N.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà N thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Như vậy, ông Thái Bá K, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, bà N có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Bùi Thị Chính N và ông Thái Bá K có 02 con chung là Thái Hải P (nam), sinh ngày 30/10/1991 và Thái Tùng L (nam), sinh ngày 28/12/1995. Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn K1 không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Đang sự khai không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí, lệ phí năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị Chính N

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Chính N, sinh năm 1969 ly hôn ông Thái Bá K, sinh năm 1961.

Về con chung: Bà Bùi Thị Chính N và ông Thái Bá K có 02 con chung là Thái Hải P (nam), sinh ngày 30/10/1991 và Thái Tùng L (nam), sinh ngày 28/12/1995. Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đang sự khai không có.

Nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Bùi Thị Chính N phải chịu, nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0044879 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thị hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn ;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh